

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÀNG HÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 343.17/CV-HH

Thái Bình, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Hoàng Hà
2. Mã chứng khoán: HHG
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 368 Phố Lý Bôn - Phường Tiền Phong - Thành phố Thái Bình
4. Điện thoại: 0227.3846 908; Fax: 0227.3846 908
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Văn Sinh; Chức vụ: Người công bố thông tin.
6. Nội dung thông tin công bố:
 - Báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét năm 2017.
 - Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận số 342/2017/GT-HH ký ngày 14/08/2017.
7. Thông tin chi tiết được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Hoàng Hà, địa chỉ: www.hoanghaco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. CÔNG TY CP HOÀNG HÀ
Người công bố thông tin



Lê Văn Sinh



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15 Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 40

- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
- 1. Ông Lưu Văn Hùng - Tổng Giám đốc
 - 2. Ông Dương Văn Cường - Phó Tổng Giám đốc
 - 3. Ông Vũ Văn Quân - Thành viên
- Ban Tổng Giám đốc**
- 1. Ông Lưu Văn Hùng - Tổng Giám đốc
 - 2. Ông Nguyễn Văn Hùng - Phó Tổng Giám đốc
 - 3. Ông Trần Văn Tuấn - Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ theo đúng quy định pháp luật và các quy định của pháp luật về kế toán, thuế và các quy định khác có liên quan. Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc công ty không chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của báo cáo tài chính giữa niên độ do các sai sót do thiếu sót của các bên liên quan gây ra.

- Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc công ty đã đọc và đồng ý với báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Ban Tổng Giám đốc công ty đã thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo tài chính giữa niên độ được chấp thuận.
- Ban Tổng Giám đốc công ty đã thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo tài chính giữa niên độ được chấp thuận.
- Ban Tổng Giám đốc công ty đã thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo tài chính giữa niên độ được chấp thuận.

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc công ty không chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của báo cáo tài chính giữa niên độ do các sai sót do thiếu sót của các bên liên quan gây ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|------------------------|--------------|
| 1. Ông Lưu Huy Hà | Chủ tịch |
| 2. Ông Nguyễn Hữu Hoan | Phó Chủ tịch |
| 3. Ông Phan Văn Thuận | Ủy viên |
| 4. Ông Lưu Tuấn Anh | Ủy viên |
| 5. Ông Lê Văn Sinh | Ủy viên |
| 6. Ông Lưu Minh Sơn | Ủy viên |

Ban Kiểm soát

- | | |
|------------------------|------------|
| 1. Bà Nguyễn Thu Hương | Trưởng ban |
| 2. Ông Dương Đức Cường | Thành viên |
| 3. Ông Vũ Doãn Quân | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| 1. Ông Lưu Huy Hà | Tổng Giám đốc |
| 2. Ông Nguyễn Hữu Hoan | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Phan Văn Thuận | Giám đốc xưởng sửa chữa |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lưu Huy Hà
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2017

17
NG
HIỆM
TO
TÀ
ĐỐC
VĂN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 10.08/2017/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hoàng Hà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Hà, được lập ngày 12 tháng 08 năm 2017, từ trang 6 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2400 - Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính quá khứ. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi đưa ra kết luận rằng liệu có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ, xét trên phương diện tổng thể không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng hay không. Chuẩn mực này cũng yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực này là dịch vụ đảm bảo có giới hạn. Kiểm toán viên thực hiện các thủ tục, chủ yếu gồm phỏng vấn Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự khác trong Công ty, nếu thích hợp, thủ tục phân tích và đánh giá bằng chứng thu thập được.

Các thủ tục được thực hiện trong dịch vụ soát xét ít hơn đáng kể so với cuộc kiểm toán được tiến hành theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính giữa niên độ.

23
TY
HUU
N V
CH
TẾ
- T.P

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Tiên Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và

Tư vấn Tài chính Quốc tế

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2017

C.T. TNHH
HÀ NỘI
VH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		139.682.898.664	190.902.267.334
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.151.525.615	35.360.760.523
1. Tiền	111		4.151.525.615	18.360.760.523
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	17.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.111.713.441	62.880.113.452
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	39.419.669.587	4.187.321.350
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	26.458.615.940	9.640.615.176
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	17.980.000.000	42.980.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.253.427.914	6.072.176.926
III. Hàng tồn kho	140		44.036.524.290	89.239.988.712
1. Hàng tồn kho	141	V.6	44.036.524.290	89.239.988.712
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.383.135.318	3.421.404.647
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	2.358.987.554	3.138.625.162
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.147.764	260.107.788
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15a	5.000.000	22.671.697
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		420.525.986.507	386.530.393.565
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.754.034.108	12.082.410.367
1. Phải thu dài hạn khác	216		21.754.034.108	12.082.410.367
II. Tài sản cố định	220		335.631.943.590	325.005.212.123
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	285.882.130.556	271.471.482.498
- Nguyên giá	222		403.160.180.231	376.901.004.166
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.278.049.675)	(105.429.521.668)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	49.749.813.034	53.533.729.625
- Nguyên giá	225		63.466.607.866	64.182.637.284
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(13.716.794.832)	(10.648.907.659)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		75.000.000	75.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.000.000)	(75.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.138.533.333	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	5.138.533.333	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		42.332.570.000	42.332.570.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	42.332.570.000	42.332.570.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		15.668.905.476	7.110.201.075
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	15.668.905.476	7.110.201.075
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		560.208.885.171	577.432.660.899

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		220.347.456.205	246.745.932.334
I. Nợ ngắn hạn	310		118.189.215.694	134.357.150.566
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	3.302.477.234	4.482.419.850
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	94.000.000	956.016.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15b	2.094.164.347	3.702.420.446
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	25.104.908.110	32.892.383.005
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	87.570.667.920	92.300.913.182
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.998.083	22.998.083
II. Nợ dài hạn	330		102.158.240.511	112.388.781.768
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	212.394.715
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	287.691.615	800.691.615
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	101.870.548.896	111.375.695.438
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		339.861.428.966	330.686.728.565
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	339.861.428.966	330.686.728.565
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		288.401.250.000	288.401.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		288.401.250.000	288.401.250.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		932.107.220	932.107.220
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		300.000.000	300.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.228.071.746	41.053.371.345
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		26.430.204.287	432.459.842
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.797.867.459	40.620.911.503
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		560.208.885.171	577.432.660.899



Lưu Huy Hà
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B 02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		189.714.551.665	112.817.054.658
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	189.714.551.665	112.817.054.658
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	146.403.316.266	90.483.165.608
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.311.235.399	22.333.889.050
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.106.274.060	3.131.960.327
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.146.081.953	6.011.684.885
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.145.221.512	6.011.684.885
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.822.879.830	6.500.146.834
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.448.547.676	12.954.017.658
11. Thu nhập khác	31	VI.6	792.076.247	256.164.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	413.023.977	178.351.181
13. Lợi nhuận khác	40		379.052.270	77.812.819
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.827.599.946	13.031.830.477
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	6.029.732.487	2.642.036.332
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.797.867.459	10.389.794.145
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	817	574
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	817	485



Lưu Huy Hà
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU B.03a-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	146.950.953.065	138.436.070.298
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(119.672.147.716)	(71.860.814.149)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(18.682.625.720)	(16.891.019.382)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(9.145.221.512)	(6.011.684.885)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(8.686.990.565)	(6.112.468.258)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	18.663.518.911	256.170.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(35.514.296.008)	(15.168.491.787)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(26.086.809.545)	22.647.761.837
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(20.565.360.353)	(58.460.215.837)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.476.363.635	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(83.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(300.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.202.823.600	3.131.960.327
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.113.826.882	(138.628.255.510)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	85.074.550.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	83.572.142.935	93.408.208.303
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(90.837.981.405)	(44.879.990.324)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(6.969.553.334)	(5.988.241.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.235.391.804)	127.614.526.979
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(31.208.374.467)	11.634.033.306
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35.360.760.523	5.092.002.502
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(860.441)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.151.525.615	16.726.035.808



Lưu Huy Hà
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng

Trần Thị Hoài Thương
Người lập

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000272301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 25 tháng 09 năm 2001. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 cấp ngày 16 tháng 08 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 614 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 574 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 16 tháng 08 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 288.401.250.000 đồng (Hai trăm tám tám tỷ, bốn trăm linh một triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tương ứng với 28.840.125 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính trong kỳ của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh ô tô, xăng dầu;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ chuyên phát; và
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT - BTC.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

23 - C
TY
HỮU HẠN
IN VÀ
CHÍNH
TẾ
- T.P.H

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán, hệ điều hành taxi và phần mềm chuyên phát nhanh. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Hệ điều hành taxi và phần mềm chuyên phát nhanh	05

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động. Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	05 - 10

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí đại tu, đóng mới vỏ xe, chi phí bảo hiểm đăng kiểm xe và các chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành. Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài

HNH

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay (tiếp theo)

sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	3.542.914.419	2.633.423.864
Tiền gửi ngân hàng	608.611.196	15.727.336.659
Các khoản tương đương tiền	-	17.000.000.000
Cộng	4.151.525.615	35.360.760.523

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
<i>Các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh</i>		
<i>Bất động sản</i>	<i>31.274.832.000</i>	-
Lương Văn Thạc	2.454.575.000	-
Vũ Văn Thiệp - Lô 24	1.928.914.000	-
Khách hàng khác	26.891.343.000	-
<i>Hoạt động kinh doanh vận tải và mua bán xe</i>	<i>8.144.837.587</i>	<i>4.187.321.350</i>
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	1.674.163.786	860.864.703
Trần Thị Bông	983.400.000	-
Khách hàng khác	5.487.273.801	3.326.456.647
Cộng	39.419.669.587	4.187.321.350
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh 7.2)		
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	1.674.163.786	860.864.703
Công ty CP TM Thái Bình Xanh	700.590.243	231.670.997
Cộng	2.374.754.029	1.092.535.700

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH ô tô Thái Dương	10.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư XNK may Thăng Long	4.715.786.454	-
Công ty TNHH tư vấn thiết kế phương tiện cơ giới đường bộ Thái Bình	6.622.151.680	7.238.246.400
Công ty CP Ô tô Đô Thành	1.642.082	1.298.557.918
Các người bán khác	5.119.035.724	1.103.810.858
Cộng	26.458.615.940	9.640.615.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tiên Bình (*)	17.980.000.000	17.980.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Tân (**)	-	25.000.000.000
Cộng	17.980.000.000	42.980.000.000

(*) Khoản cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tiên Bình vay theo hợp đồng ngày 02 tháng 04 năm 2015 và phụ lục hợp đồng số 312 ngày 04 tháng 04 năm 2016, lãi suất 10%/năm, khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

(**) Khoản cho Công ty Cổ phần Hoàng Tân vay theo hợp đồng số 15/12/HĐV ngày 29 tháng 02 năm 2016 với lãi suất 10%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày vay, khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	1.638.280.000	816.000.000
Tiền thuế GTGT phải thu của hoạt động thuế tài chính	2.191.065.914	2.552.043.926
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	525.082.000	-
Công ty CP Du lịch Thương mại Tiên Bình	899.000.000	625.011.000
Phải thu khác	-	2.079.122.000
Cộng	5.253.427.914	6.072.176.926

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán
6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
MẪU SỐ B09a - DN

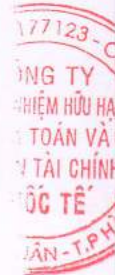
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.766.503.081	-	6.602.248.101	-
Công cụ, dụng cụ	74.952.010	-	81.188.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	29.987.301.343	-	76.334.287.716	-
Hàng hoá	7.207.767.856	-	6.222.264.895	-
Cộng	44.036.524.290	-	89.239.988.712	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	179.499.729.534	27.610.650.144	159.877.774.162	9.912.850.326	376.901.004.166
Mua trong kỳ	10.210.523.636	-	18.497.950.906	-	28.708.474.542
Mua lại TSCĐ Thuê Tài chính	-	-	716.029.418	-	716.029.418
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.165.327.895)	-	(3.165.327.895)
Tại ngày 30/06/2017	189.710.253.170	27.610.650.144	175.926.426.591	9.912.850.326	403.160.180.231
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	18.936.418.100	11.507.695.899	69.930.295.415	5.055.112.254	105.429.521.668
Khấu hao trong kỳ	2.749.805.532	1.334.518.588	8.568.004.948	484.732.548	13.137.061.616
Mua lại TSCĐ Thuê Tài chính	-	-	331.418.000	-	331.418.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.619.951.609)	-	(1.619.951.609)
Tại ngày 30/06/2017	21.686.223.632	12.842.214.487	77.209.766.754	5.539.844.802	117.278.049.675
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	160.563.311.434	16.102.954.245	89.947.478.747	4.857.738.072	271.471.482.498
Tại ngày 30/06/2017	168.024.029.538	14.768.435.657	98.716.659.837	4.373.005.524	285.882.130.556

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 187.851.632.155 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 177.727.424.227 đồng) cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình; Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình và Ngân hàng TMCP An Bình.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 22.901.082.331 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2017	64.182.637.284	64.182.637.284
Mua lại TSCĐ thuê TC	(716.029.418)	(716.029.418)
Tại ngày 30/06/2017	63.466.607.866	63.466.607.866
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2017	10.648.907.659	10.648.907.659
Khấu hao trong kỳ	3.460.842.997	3.460.842.997
Mua lại TSCĐ thuê TC	(392.955.824)	(392.955.824)
Tại ngày 30/06/2017	13.716.794.832	13.716.794.832
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2017	53.533.729.625	53.533.729.625
Tại ngày 30/06/2017	49.749.813.034	49.749.813.034

9. Tài sản cố định vô hình

	Hệ điều hành Taxi và Phần mềm chuyển phát nhanh	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2017	75.000.000	75.000.000
Tại ngày 30/06/2017	75.000.000	75.000.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2017	75.000.000	75.000.000
Tại ngày 30/06/2017	75.000.000	75.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2017	-	-
Tại ngày 30/06/2017	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Mua sắm tài sản cố định	5.138.533.333	-
Cộng	5.138.533.333	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm, phí đăng kiểm xe	2.358.987.554	3.138.625.162
Cộng	<u>2.358.987.554</u>	<u>3.138.625.162</u>
b. Dài hạn		
Chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe	14.875.683.508	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	699.815.221	7.110.201.075
Chi phí trả trước khác	93.406.747	-
Cộng	<u>15.668.905.476</u>	<u>7.110.201.075</u>

12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả	17.332.570.000	-	17.332.570.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
Cộng	<u>42.332.570.000</u>	<u>-</u>	<u>42.332.570.000</u>	<u>-</u>

Một số thông tin về các công ty liên doanh liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2017:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả	Quảng Ninh	34,67%	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
2.	Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	Thái Bình	45,54%	Mua bán xăng dầu, phụ tùng ô tô và kinh doanh xe ô tô.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Du lịch Thương mại Tiên Bình	-	-	674.570.952	674.570.952
Công ty TNHH Đại Đức An	415.655.240	415.655.240	415.655.240	415.655.240
Công ty CP ô tô Hyundai Đông Nam	409.057.743	409.057.743	573.000.000	573.000.000
Công ty TNHH MTV Thụy Dương	2.477.764.251	2.477.764.251	292.349.008	292.349.008
Phải trả cho các đối tượng khác			2.526.844.650	2.526.844.650
Cộng	3.302.477.234	3.302.477.234	4.482.419.850	4.482.419.850
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả	441.618.043	441.618.043	154.614.706	154.614.706
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	421.904.353	421.904.353	6.735.500	6.735.500
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	19.713.690	19.713.690	128.165.516	128.165.516
			19.713.690	19.713.690

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH xây dựng - chuyên giao Hoàng Long	-	-	880.111.000	880.111.000
Các đối tượng khác	94.000.000	94.000.000	75.905.000	75.905.000
Cộng	94.000.000	94.000.000	956.016.000	956.016.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước	01/01/2017		Số phải nộp		Số đã thực nộp		30/06/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu								
Thuế giá trị gia tăng	17.671.697		17.671.697		-		-	
Các loại thuế khác	5.000.000		4.000.000		4.000.000		5.000.000	
Cộng	22.671.697		21.671.697		4.000.000		5.000.000	
b. Các khoản phải trả								
Thuế giá trị gia tăng	22.637.881		3.544.316.086		2.495.314.107		1.071.639.860	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.679.782.565		6.029.732.487		8.686.990.565		1.022.524.487	
Tiền thuế đất	-		6.368.757		6.368.757		-	
Cộng	3.702.420.446		9.580.417.330		11.188.673.429		2.094.164.347	
16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác								
	30/06/2017		01/01/2017					
	VND		VND					
a. Phải trả ngắn hạn khác								
Công ty CP Đầu tư XNK may Thăng Long	7.713.692.201		12.431.603.856					
Lê Thị Kim Cúc	2.726.070.851		1.500.000.000					
Hoàng Thị Bình	-		3.600.000.000					
Cổ tức phải trả	14.420.062.500		-					
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	245.082.558		15.360.779.149					
Cộng	25.104.908.110		32.892.383.005					
b. Phải trả dài hạn khác								
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	287.691.615		308.691.615					
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-		492.000.000					
Cộng	287.691.615		800.691.615					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	46.310.648.170	46.310.648.170	64.324.142.935	81.548.033.405	63.534.538.640	63.534.538.640
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	14.273.558.129	14.273.558.129	16.700.489.058	3.391.430.929	964.500.000	964.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (ii)	32.037.090.041	32.037.090.041	47.623.653.877	31.944.847.076	16.358.283.240	16.358.283.240
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch 3 (iii)	-	-	-	46.211.755.400	46.211.755.400	46.211.755.400
Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	26.081.844.000	26.081.844.000	-	-	16.923.496.000	16.923.496.000
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	15.178.175.750	15.178.175.750	-	-	11.842.878.542	11.842.878.542
Cộng	87.570.667.920	87.570.667.920	64.324.142.935	81.548.033.405	92.300.913.182	92.300.913.182

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thái Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/416446 ngày 03 tháng 11 năm 2016. Hạn mức tín dụng ngắn hạn với số tiền tối đa là 15 tỷ đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động trong phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Giá trị còn lại của các tài sản đảm bảo cho khoản vay là 5.730.595.632 đồng.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 021/017/16/00094/VCBTB-KHDN ngày 29 tháng 08 năm 2016. Hạn mức cho vay không vượt quá 40 tỷ đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán cho các chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án đầu tư công trình văn phòng- bến xe khách công ty Cổ phần Hoàng Hà không bao gồm lãi vay trong thời gian xây dựng. Tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Hoàng Hà theo các hợp đồng thế chấp tài sản kèm theo trị giá 5.911.255.023 đồng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch 3 theo hợp đồng số 01/2016/416446/HĐTD ngày 07 tháng 07 năm 2016 để bù đắp phần thiếu hụt tại chính tạm thời của doanh nghiệp. Khoản vay này được đảm bảo bằng 3.000.000 cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán HNX. quyền sử dụng đất và tài sản hình thành tại khu đất quy hoạch dân cư tại Khu đất Trường THPT Chuyên Thái Bình cũ và trụ sở tiếp dân của tỉnh cũ, đường Lý Thường Kiệt, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, và các động sản của Công ty và Bên thứ ba.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay dài hạn của Công ty	105.373.469.000	105.373.469.000	19.248.000.000	9.289.948.000	95.415.417.000	95.415.417.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	1.194.000.000	1.194.000.000	-	1.215.000.000	2.409.000.000	2.409.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (ii)	48.084.933.000	48.084.933.000	-	3.400.000.000	51.484.933.000	51.484.933.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (iii)	50.550.536.000	50.550.536.000	13.200.000.000	4.170.948.000	41.521.484.000	41.521.484.000
Ngân hàng TMCP An Bình (iv)	5.544.000.000	5.544.000.000	6.048.000.000	504.000.000	-	-
Các khoản nợ thuế tài chính dài hạn	37.757.099.646	37.757.099.646	-	6.969.553.334	44.726.652.980	44.726.652.980
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam (v)	2.180.860.000	2.180.860.000	-	264.000.000	2.444.860.000	2.444.860.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội (vi)	35.576.239.646	35.576.239.646	-	6.705.553.334	42.281.792.980	42.281.792.980
Từ: Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	26.081.844.000	26.081.844.000	-	16.923.496.000	16.923.496.000	16.923.496.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	10.400.000.000	10.400.000.000	-	6.800.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	610.000.000	610.000.000	-	1.415.000.000	1.415.000.000	1.415.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	14.366.244.000	14.366.244.000	-	8.708.496.000	8.708.496.000	8.708.496.000
Ngân hàng TMCP An Bình	705.600.000	705.600.000	-	-	-	-
Từ: Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	15.178.175.750	15.178.175.750	-	11.842.878.542	11.842.878.542	11.842.878.542
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam	792.000.000	792.000.000	-	528.000.000	528.000.000	528.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	14.386.175.750	14.386.175.750	-	11.314.878.542	11.314.878.542	11.314.878.542
Cộng	101.870.548.896	101.870.548.896	19.248.000.000	16.259.501.334	111.375.695.438	111.375.695.438

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán
6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

MÀU SỐ B09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

- (i) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/416446/HDDTD ngày 13 tháng 02 năm 2015, giữa Công ty CP Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình. Số tiền vay là 1.974.000.000 đồng để đầu tư mua ô tô tô nhãn hiệu Samco 34 chỗ ngồi mới 100% phục vụ vận tải hành khách. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên với lãi suất theo quy định của ngân hàng trong từng kỳ. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/416446/HDBD ngày 13 tháng 02 năm 2015.
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 021/050/09/0000288/VCB-TB tháng 06 năm 2009 giữa Công ty CP Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng để thanh toán cho các chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án đầu tư công trình văn phòng - Bến xe Khách Công ty CP Hoàng Hà (không bao gồm lãi vay); Thời hạn vay vốn là 144 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên. Lãi suất vay vốn được quy định theo thông báo của ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư công trình Văn phòng - Bến xe Khách Công ty CP Hoàng Hà đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 14472.16.755.2376838.TD ngày 18 tháng 05 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thái Bình. Khoản vay có hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng để đầu tư mua sắm ô tô mới nguyên chiếc phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách. Thời hạn vay vốn tối đa là 84 tháng, lãi suất vay vốn được quy định tại từng kỳ ước nhận nợ tại thời điểm. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 89826.17.755.2376838.TD ngày 30 tháng 03 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng là 17.600.000.000 đồng để thanh toán tiền mua 20 xe ô tô chở khách 29 chỗ theo hợp đồng mua bán xe số CV15VSA1215106/AH ngày 17 tháng 12 năm 2015 và phụ lục 05 ngày 13 tháng 02 năm 2017 ký giữa Công ty CP Hoàng Hà và Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam (Giai đoạn 2 - năm 2017); Thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên trên kế ước nhận nợ. Lãi suất được quy định tại từng thời điểm nhận nợ; Tài sản đảm bảo là 20 xe ô tô 29 chỗ Fuso Rosa thuộc sở hữu của công ty CP Hoàng Hà.
- (iv) Hợp đồng tín dụng số 119/17/TD-TT/XXX1 ký ngày 13 tháng 01 năm 2017 với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Thái Bình. Khoản vay có hạn mức là 15.120.000.000 đồng để đầu tư 50 xe ô tô Huyndai Grand i10 Sendan bản 1.2.MT Base nhập khẩu nguyên chiếc mới 100% để hoạt động kinh doanh taxi với thương hiệu Taxi Hoàng Hà. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền lần đầu tiên. Lãi suất vay vốn được quy định tại thời điểm giải ngân trên từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

MẪU SỐ B09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(v) Hợp đồng cho Thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.046/2015/TSC-CTTC ngày 06 tháng 08 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam. Giá trị cho thuê tạm tính là 3.870.700.000 đồng (giá đã gồm VAT). Thời hạn cho thuê trong 72 tháng, lãi suất 8,5%/năm trong 06 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 06 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 05 xe ô tô Toyota Innova 2.0E mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam, sản xuất năm 2015.

(vi) Khoản Nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 11.09.13/HĐCTTC-HH2 ngày 13 tháng 03 năm 2014, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 84 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 7.181.222.608 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.12.14/HĐCTTC-HH ngày 18 tháng 12 năm 2014, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 151.098.542 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.09.15/HĐCTTC-HH1 ngày 17 tháng 09 năm 2015, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 4.459.259.346 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.09.15/HĐCTTC-HH2 ngày 29 tháng 09 năm 2015, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 3.414.747.150 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.02.16/HĐCTTC-HH ngày 18 tháng 02 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 3.655.367.600 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.02.16/HĐCTTC-HH ngày 27 tháng 02 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 7.061.509.800 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 04.01.16/HĐCTTC-HH ngày 31 tháng 01 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 1.624.609.600 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán

6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***MẪU SỐ B09a - DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 05.01.16/HĐCTTC-HH ngày 31 tháng 01 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 2.593.317.000 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.12.16/HĐCTTC-HH ngày 07 tháng 12 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 5.435.108.000 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	170.149.100.000	932.107.220	300.000.000	33.610.059.842	204.991.267.062					
Vốn góp tăng trong năm	85.074.550.000	-	-	-	85.074.550.000					
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	40.620.911.503	40.620.911.503					
Phân phối lợi nhuận trong năm	33.177.600.000	-	-	(33.177.600.000)	-					
Số dư tại ngày 31/12/2016	288.401.250.000	932.107.220	300.000.000	41.053.371.345	330.686.728.565					
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	23.797.867.459	23.797.867.459					
Trả cổ tức bằng tiền mặt (*)	-	-	-	(14.420.062.500)	(14.420.062.500)					
Chi thường cho Hội đồng quản trị, ban kiểm soát (*)	-	-	-	(203.104.558)	(203.104.558)					
Số dư tại ngày 30/06/2017	288.401.250.000	932.107.220	300.000.000	50.228.071.746	339.861.428.966					



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. **Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 09 tháng 04 năm 2017, theo đó, Công ty trích 0,5% Lợi nhuận sau thuế năm 2016 để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tương đương với 203.104.558 đồng và chia cổ tức với tỷ lệ 14% tương đương với 40.376.170.000 đồng. Trong đó, chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% (tương đương với 14.289.493.498 đồng) trước tháng 09 năm 2017, phần còn lại Hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị lựa chọn hình thức và thời điểm chi trả, hoàn thiện thủ tục theo quy định của pháp luật.

b. **Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.840.125	28.840.125
- Cổ phiếu phổ thông	28.840.125	28.840.125
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.840.125	28.840.125
- Cổ phiếu phổ thông	28.840.125	28.840.125
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

20. **Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 368 đường Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Công ty cũng đều phát sinh tại tỉnh Thái Bình. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh thương mại; bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Khu vực địa lý (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động KD bất động sản VND	Tổng cộng VND
Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	41.786.365.839	80.821.041.190	67.107.144.636	189.714.551.665
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng Doanh thu thuần	41.786.365.839	80.821.041.190	67.107.144.636	189.714.551.665
Chi phí phân bổ	41.471.057.928	62.653.112.212	56.141.833.850	160.266.003.989
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	315.307.911	18.167.928.978	10.965.310.786	29.448.547.676
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	315.307.911	18.167.928.978	10.965.310.786	29.448.547.676
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	20.565.360.353	-	20.565.360.353
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.006.376.537	12.360.265.945	3.562.680.131	16.929.322.613
Số dư tại ngày 30/06/2017				
Tài sản bộ phận	7.207.767.856	523.013.815.972	29.987.301.343	560.208.885.171
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	7.207.767.856	523.013.815.972	29.987.301.343	560.208.885.171
Nợ phải trả bộ phận	-	217.621.385.354	2.726.070.851	220.347.456.205
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	217.621.385.354	2.726.070.851	220.347.456.205

123
G T
EM HƯ
OẢN
TÀI C
C T
AN -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Khu vực địa lý (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	40.797.727.269	72.019.327.389	112.817.054.658
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Tổng Doanh thu thuần	40.797.727.269	72.019.327.389	112.817.054.658
Chi phí phân bổ	42.696.178.957	57.166.858.043	99.863.037.000
Kết quả kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	(1.898.451.688)	14.852.469.346	12.954.017.658
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.898.451.688)	14.852.469.346	12.954.017.658
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21.721.517.433	48.886.164.451	70.607.681.884
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.056.049.435	11.454.076.434	12.510.125.869
Số dư tại ngày 30/06/2016			
Tài sản bộ phận	78.584.430.184	265.996.561.583	344.580.991.767
Tài sản không phân bổ	-	-	135.038.605.808
Tổng tài sản	78.584.430.184	265.996.561.583	479.619.597.575
Nợ phải trả bộ phận	64.637.100.400	114.503.887.885	179.140.988.285
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	22.998.083
Tổng nợ phải trả	64.637.100.400	114.503.887.885	179.163.986.368

HÀNG
A
TỈNH
PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	189.714.551.665	112.817.054.658
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	80.821.041.190	72.019.327.389
- Doanh thu bán hàng hóa	41.786.365.839	40.797.727.269
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	67.107.144.636	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	189.714.551.665	112.817.054.658

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	56.747.414.174	51.179.004.250
Giá vốn hàng hóa đã bán	38.417.674.117	39.304.161.358
Giá vốn bất động sản	51.238.227.975	-
Cộng	146.403.316.266	90.483.165.608

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.607.583.460	2.602.435.157
Doanh thu hoạt động tài chính khác	498.690.600	529.525.170
Cộng	2.106.274.060	3.131.960.327

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	7.221.846.531	6.011.684.885
Chi phí lãi thuê tài chính	1.923.374.981	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	860.441	-
Cộng	9.146.081.953	6.011.684.885

T.N.H.H
CÔNG

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.892.547.595	3.704.737.082
Chi phí công cụ dụng cụ	128.833.857	73.681.511
Chi phí khấu hao TSCĐ	851.690.340	899.785.735
Thuế, phí và lệ phí	10.368.757	10.595.093
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.063.894.951	1.811.347.413
Chi phí bằng tiền khác	875.544.330	-
Cộng	6.822.879.830	6.500.146.834

6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Tiền thu từ bồi thường bảo hiểm xe	23.320.000	248.570.000
Thu từ bán phế thải	508.755.455	-
Các khoản thu nhập khác	260.000.792	7.594.000
Cộng	792.076.247	256.164.000

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt chậm nộp	31.042.688	148.351.181
Các khoản chi phí khác	290.019.800	30.000.000
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	91.961.489	-
Cộng	413.023.977	178.351.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	29.827.599.946	13.031.830.477
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	321.062.488	178.351.181
Cộng: Chi phí không được trừ	321.062.488	178.351.181
+ Chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ	290.019.800	30.000.000
+ Các khoản phạt	31.042.688	148.351.181
Tổng thu nhập chịu thuế	30.148.662.434	13.210.181.658
Thu nhập tính thuế	30.148.662.434	13.210.181.658
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.029.732.487	2.642.036.332

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.797.867.459	10.389.794.145
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty	237.978.675	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.559.888.784	10.389.794.145
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	28.840.125	18.087.082
Lãi cơ bản/suy giảm trên một cổ phiếu	817	574
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.150.604.270	20.189.937.045
Chi phí nhân công	19.866.272.810	15.777.682.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.929.322.613	12.295.630.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.954.892.011	5.568.919.566
Chi phí khác bằng tiền	3.505.193.109	3.846.981.500
Cộng	137.406.284.813	57.679.151.084

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.17 và V.18 trừ đi Tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	189.441.216.816	203.676.608.620
<i>Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>4.151.525.615</i>	<i>35.360.760.523</i>
Nợ thuần	185.289.691.201	168.315.848.097
Vốn chủ sở hữu	339.861.428.966	330.686.728.565
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	54,52%	50,90%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.151.525.615	35.360.760.523
Phải thu khách hàng và phải thu khác	81.155.065.695	58.891.954.350
Các khoản ký quỹ	2.191.065.914	14.634.451.293
Cộng	87.497.657.224	108.887.169.166
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	189.441.216.816	203.676.608.620
Phải trả người bán và phải trả khác	28.695.076.959	38.175.494.470
Cộng	218.136.293.775	241.852.103.090

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.151.525.615	-	4.151.525.615
Phải thu khách hàng và phải thu khác	81.155.065.695	-	81.155.065.695
Các khoản ký quỹ	2.191.065.914	1.061.000.000	3.252.065.914
Cộng	87.497.657.224	1.061.000.000	88.558.657.224
Tại 30/06/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	28.407.385.344	-	28.407.385.344
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	87.570.667.920	101.870.548.896	189.441.216.816
Cộng	115.978.053.264	101.870.548.896	217.848.602.160
Chênh lệch thanh khoản thuần	(28.480.396.040)	(100.809.548.896)	(129.289.944.936)

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.360.760.523	-	35.360.760.523
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.891.954.350	-	58.891.954.350
Các khoản ký quỹ	2.552.043.926	12.082.410.367	14.634.454.293
Cộng	96.804.758.799	12.082.410.367	108.887.169.166
Tại 01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	37.374.802.855	-	37.374.802.855
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	92.300.913.182	111.375.695.438	203.676.608.620
Cộng	129.675.716.037	111.375.695.438	241.051.411.475
Chênh lệch thanh khoản thuần	(32.870.957.238)	(99.293.285.071)	(132.164.242.309)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	Công ty liên kết
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	Công ty có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu bán hàng	1.832.162.115	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	636.890.221	-
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	1.195.271.894	-
Mua hàng	384.147.655	-
Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả	6.735.500	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	51.770.000	-
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	325.642.155	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	498.690.600	529.525.170
Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả	498.690.600	529.525.170

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	2.374.754.029	1.092.535.700
Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	700.590.243	231.670.997
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	1.674.163.786	860.864.703
Các khoản phải thu khác	525.082.000	-
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	525.082.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn	441.618.043	154.614.706
Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả	-	6.735.500
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	421.904.353	128.165.516
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	19.713.690	19.713.690

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Khoản mục	VND	VND
Lương và phụ cấp của Ban Tổng giám đốc; Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	368.784.000	277.209.480
Cộng	368.784.000	277.209.480

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

Một số chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày lại như sau:

NGUỒN VỐN	Mã số	Số liệu ngày	Phân loại lại	Số sau
		01/01/2017 trên báo cáo kiểm toán		phân loại lại
		VND	VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	246.745.932.334	-	246.745.932.334
I. Nợ ngắn hạn	310	133.756.106.566	601.044.000	134.357.150.566
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	91.699.869.182	601.044.000	92.300.913.182
II. Nợ dài hạn	330	112.989.826.768	(601.044.000)	112.388.781.768
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	111.976.739.438	(601.044.000)	111.375.695.438
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	270	577.432.660.899	-	577.432.660.899

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được trình bày lại như sau:


Chỉ tiêu số 71 – Lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được trình bày lại cho phù hợp như sau:


Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016	
		Báo cáo soát xét đã phát hành	Trình bày lại (*)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	485	574

(*) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng thường niên năm 2016 ngày 24 tháng 04 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông quyết định thông qua phương án phát hành thêm 3.317.900 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) cho các cổ đông hiện hữu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Chính sách phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu không làm tạo ra dòng tiền tăng vốn góp của chủ sở hữu và không làm suy giảm giá trị lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu của Công ty.



Lưu Huy Hà
Tổng Giám đốc
Thái Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2017


Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng


Trần Thị Hoài Thương
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Số: 342/2017/GT – HH****Độc Lập – Tự Do - Hạnh Phúc***“V/v giải trình chênh lệch sau kiểm
toán báo cáo tài chính tại ngày
30.06.2017”**Thái Bình, Ngày 14 tháng 08 năm 2017***Kính gửi : + Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước****+ Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty Cổ phần Hoàng Hà xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội trong suốt thời gian vừa qua.

Công ty Cổ phần Hoàng Hà xin giải trình chênh lệch một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 giữa báo cáo sau khi soát xét của kiểm toán và báo cáo công ty tự lập như sau:

I. Chênh lệch trên bảng cân đối kế toán.

Mã số	Chỉ tiêu	Báo cáo soát xét 30.06.2017	Báo cáo tự lập 30.06.2017	Chênh lệch
300	C. Nợ Phải Trả	220.347.456.205	205.724.289.147	14.623.167.058
301	I.Nợ ngắn hạn	118.189.215.694	75.286.234.139	42.902.981.555
319	Phải trả ngắn hạn khác	25.104.908.110	10.481.741.052	14.623.167.058
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	87.570.667.920	59.290.853.423	28.279.814.497
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	101.870.548.896	130.150.363.393	(28.279.814.497)
400	D. Vốn Chủ Sở Hữu	339.861.428.966	354.484.596.024	(14.623.167.058)
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	26.430.204.287	41.053.371.345	(14.623.167.058)

II. Nguyên nhân chênh lệch .**A1. Nguyên nhân chênh lệch ở mã số (300, 319, 400, 421a)**

Theo nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 091/17/NQ – HH ngày 09 tháng 04 năm 2017 . Theo đó công ty trích 0.5% lợi nhuận sau thuế năm 2016 để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tương đương với 203.104.558 đồng và chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% tương đương 14.420.062.500 đồng . Trong báo cáo Công ty tự lập chưa trình bày 2 khoản này

chưa phân phối”. Báo cáo sau soát xét đã điều chỉnh tăng “ Phải trả ngắn hạn khác” và điều chỉnh giảm “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” số tiền là : 14.623.167.058 đồng

A2.Nguyên nhân chênh lệch ở mã số (320,338)

Trong báo cáo Công ty tự lập đã tính số nợ vay Ngân hàng dài hạn đến hạn trả và Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả đến ngày điểm 31 tháng 12 năm 2017. Báo cáo sau khi soát xét đã điều chỉnh tăng các khoản nợ này từ nợ dài hạn sang đến ngày 30 tháng 06 năm 2018. Số điều chỉnh là 28.279.814.497 đồng

Trên đây là bản giải trình chênh lệch trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30.06.2017 sau báo cáo soát xét của Công ty cổ phần Hoàng Hà.

Công ty cổ phần Hoàng Hà xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin này

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu văn phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ



Tổng Giám Đốc

Lưu Huy Hà



Mã số	Chi tiêu	Báo cáo trước	Báo cáo sau	Chênh lệch
300	C. Nợ Phải Trả	320.347.456.300	320.347.456.300	14.623.167.058
301	Nợ ngắn hạn	118.189.213.694	75.286.234.139	42.902.981.555
319	Phải trả ngắn hạn khác	23.104.908.110	10.481.741.852	14.623.167.058
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	87.570.685.920	37.290.853.423	28.279.814.497
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	101.870.548.896	130.150.363.393	(28.279.814.497)
400	D. Vốn Chủ Sở Hữu	339.261.423.956	354.484.396.024	(14.623.167.058)
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	26.710.204.287	41.053.371.345	(14.623.167.058)

B. Nguyên nhân chênh lệch

A1. Nguyên nhân chênh lệch ở mã số (300, 319, 400, 421a)

Theo nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 09/17/NQ-HĐH ngày 04 tháng 04 năm 2017. Theo đó công ty trích 0,5% lợi nhuận sau thuế năm 2016 để thưởng cho Hội đồng quản trị. Bản kiểm toán tương đương với 203.104.358 đồng và chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% tương đương 14.420.062.500 đồng. Trong báo cáo Công ty tự lập chưa trích duy 2 khoản này